

Bản án số: 45/2017/HNGĐ-PT

Ngày: 25/9/ 2017.

V/v: "*Tranh chấp hôn nhân và gia
đình*"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Văn.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đức Dũng.

Bà Hoàng Thị Luận.

- Thư ký phiên tòa : Ông Chu Quang Duy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

**- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên
tòa:** Nguyễn Thị Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số: 42/2017/TLPT-HNGĐ ngày 20/7/2017 về “ Tranh chấp hôn nhân và gia đình”. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2017/HNGĐ-ST ngày 30/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện QV bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 40/2017/QĐ-PT ngày 25/8/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Như V, sinh năm 1991. Có mặt.

Bị đơn: Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1995. Có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn Vũ Dương, xã Bồng Lai, huyện QV, tỉnh Bắc Ninh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Hoàng Thị H: Ông Vũ Văn Nghiệm, Luật sư thuộc Công ty luật trách nhiệm hữu hạn Đăng Hằng, Đoàn luật sư tỉnh Bắc Ninh. Có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1959. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn Vũ Dương, xã Bồng Lai, huyện QV, tỉnh Bắc Ninh.

Người kháng cáo: Chị Hoàng Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Anh Trần Như V kết hôn với chị Hoàng Thị H vào tháng 10/2014, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Bồng Lai, huyện QV, tỉnh Bắc Ninh. Sau khi tổ chức lễ cưới, vợ chồng chung với gia đình nhà chồng được thời gian ngắn thì được gia đình cho ăn riêng, nhưng vẫn ở chung nhà cùng với bố mẹ chồng. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung hòa thuận hạnh phúc nhưng đến khoảng cuối tháng 11/2015 thì phát sinh mâu thuẫn.

Theo anh Trần Như V trình bày: Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng chủ yếu là do vợ chồng không hợp nhau, mặt khác giữa chị H với gia đình nhà chồng cũng hay xảy ra xích mích nên cũng làm cho vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Kể từ tháng 11/2015 chị H đã về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng ly thân từ đó đến nay không có quan hệ tình cảm gì. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng không còn đề nghị được ly hôn chị H.

Chị Hoàng Thị H trình bày: Chị xác nhận việc vợ chồng kết hôn và chung sống như phía anh V đã trình bày là đúng. Theo chị trong quá trình chung sống sau này vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính nhau và sống ly thân từ cuối tháng 11/2015 đến nay. Nay anh V xin ly hôn, chị thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể tiếp tục chung sống được nữa nên chị đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh V, chị H đều khai vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Thị Hà My, sinh ngày 30/7/2015. Hiện nay cháu Hà My đang ở với mẹ, ly hôn anh V và chị H đều thống nhất để chị H được trực tiếp nuôi con chung. Về tiền cấp dưỡng nuôi con phía anh V nhất trí cấp dưỡng nuôi con cùng chị H với mức 1.000.000 đồng/tháng đến khi con thành niên. Phía chị H yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị với mức 2.000.000 đồng/tháng. Ngoài ra chị H yêu cầu anh V phải có trách nhiệm trả cho chị chi phí nuôi con chung kể từ khi chị sinh con đến nay tính vào khoảng 20 tháng với số tiền 2.000.000 đồng/tháng, tổng cộng là 40.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung.

Đối với yêu cầu trích chia công sức: Phía chị H trình bày sau khi vợ chồng kết hôn có về chung sống với gia đình nhà chồng đến hết tháng 4/2015 thì vợ chồng ra ở riêng thời gian chung sống cùng gia đình chồng là 6 tháng. Mỗi tháng chị góp cho mẹ chồng 2.000.000 đồng. Theo chị trong thời gian chung sống chị chỉ ăn ở nhà có 01 bữa/1 ngày với số tiền chị tính hết 30.000 đồng/1 bữa, như vậy số tiền ăn của chị chỉ hết là 900.000 đồng/tháng, số tiền còn lại là 1.100.000 đồng/tháng. Nay chị yêu cầu bà C phải hoàn lại chị số tiền là

6.600.000 đồng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị C trình bày: Bà C không thừa nhận việc chị H góp số tiền 2.000.000 đồng/tháng trong thời gian 6 tháng trong thời gian sống chung với gia đình bà. Theo bà thì vợ chồng chị H chỉ sống cùng với gia đình có 04 tháng chị H có góp cho bà số tiền 2 tháng đầu mỗi tháng 2.000.000 đồng và đến tháng thứ 3 góp số tiền 1.000.000 đồng, tổng số tiền góp cho bà là 5.000.000 đồng. Ngoài số tiền này ra chị H không phải chi tiêu gì khác, mọi chi tiêu gia đình đều do bà. Chị H chỉ tính tiền ăn mà không tính các khoản chi tiêu chung trong gia đình khác nên bà không chấp nhận yêu cầu của chị H. Việc giải quyết vấn đề trích chia công sức bà là người nhận tiền nên bà đứng ra giải quyết với chị H.

Ông Vũ Văn Nghiệm là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị H trình bày: Chị H đã phải nuôi con một mình trong thời gian dài, việc nuôi con rất tốn kém. Mặt khác sau khi ly hôn về phía anh V có thể dễ dàng xây dựng gia đình mới nhưng với chị H thì điều đó rất khó khăn nên cũng cần xem xét quyền lợi của chị H. Thời gian chị H một mình chăm con tuy dài hơn nhưng chị chỉ yêu cầu anh V phải chi trả số tiền tương đương với 20 tháng với số tiền là 2.000.000 đồng/tháng, yêu cầu của chị H là thực tế và có căn cứ để chấp nhận.

Đối với yêu cầu bà C trích trả số tiền 6.600.000 đồng, việc đưa tiền cho bà C do là chỗ mẹ con nên cũng không ai làm giấy tờ gì, chị H khai đã đưa bà C 06 tháng với số tiền mỗi tháng là 2.000.000 đồng là có thực tế để chấp nhận, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của chị H.

Từ nội dung trên, bản án sơ thẩm đã căn cứ Điều 55, Điều 61, Điều 81, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình xử:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Như V với chị Hoàng Thị H.

Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận, chị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Trần Thị Hà My, sinh ngày 30/7/2015. Anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H với mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 6/2017 cho đến khi con thành niên. Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản việc thực hiện quyền này.

Bác yêu cầu của chị H yêu cầu anh V phải trả chị số tiền 40.000.000 đồng tiền chi phí nuôi con trong thời gian vợ chồng ly thân.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên không xem xét giải quyết.

Về yêu cầu trích chia công sức: Bác yêu cầu của chị H yêu cầu bà Nguyễn

Thị C phải hoàn trả số tiền 6.600.000đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi án sơ thẩm xử, chị Hoàng Thị H kháng cáo không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm về phần cấp dưỡng nuôi con hàng tháng và yêu cầu anh V trả 40.000.000 đồng chi phí nuôi con trong thời gian vợ chồng ly thân.

Tại phiên tòa phúc thẩm chị Hoàng Thị H và Trần Như V thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con. Cụ thể, anh V cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Hoàng Thị H là 1.500.000 đồng/tháng và chị H không yêu cầu anh V trả 40.000.000 đồng chi phí nuôi con trong thời gian vợ chồng ly thân.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Về thủ tục tố tụng, từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa phúc thẩm hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ các thủ tục theo trình tự tố tụng, người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về cấp dưỡng nuôi con; đình chỉ yêu cầu anh V trả 40.000.000 đồng chi phí nuôi con trong thời gian vợ chồng ly thân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, xét thấy:

Anh Trần Như V và chị Hoàng Thị H kết hôn vào tháng 10/2014 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Bồng Lai, huyện QV, tỉnh Bắc Ninh. Vợ chồng chung sống một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách, quan điểm sống không phù hợp. Về quan hệ hôn nhân anh V và chị H đều thuận tình ly hôn. Về con chung, vợ chồng có một con chung là cháu Trần Thị Hà My, sinh năm 2015, ly hôn anh chị thỏa thuận chị H là người trực tiếp nuôi con. Bản án sơ thẩm công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Như V với chị Hoàng Thị H và công nhận thỏa thuận chị H nuôi con chung là cháu Trần Thị Hà My, sinh ngày 30/7/2015 là phù hợp với quy định của pháp luật, các đương sự không kháng cáo cần giữ nguyên.

Xét kháng cáo của chị H yêu cầu cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng và yêu cầu anh V trả chi tiền nuôi con trong 20 tháng anh chị sống ly thân, mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh V và chị H thỏa thuận anh V cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000 đồng/tháng và không yêu cầu anh V trả 40.000.000

đồng chi phí nuôi con trong thời gian vợ chồng ly thân.

Hội đồng xét xử xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự về cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên cần công nhận sự thỏa thuận trên và đình chỉ đối với yêu cầu anh V trả 40.000.000 đồng chi phí nuôi con trong thời gian vợ chồng ly thân.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo cần giữ nguyên.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 55, Điều 61, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 1 Điều 48, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Sửa bản án sơ thẩm.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Như V với chị Hoàng Thị H.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận, chị Hoàng Thị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Trần Thị Hà My, sinh ngày 30/7/2015 và anh Trần Như V cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H là 1.500.000 đồng/tháng kể từ tháng 6/2017 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh V có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản việc thực hiện quyền này.

Đình chỉ yêu cầu của chị Hoàng Thị H yêu cầu anh Trần Như V phải trả chị số tiền 40.000.000 đồng tiền chi phí nuôi con trong thời gian vợ chồng ly thân.

3. Về án phí: Anh Trần Như V tự nguyện chịu 100.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và phải chịu 200.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Xác nhận anh V đã nộp 200.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 04493 ngày 10/10/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện QV, tỉnh Bắc Ninh. Anh V còn phải nộp 100.000 đồng.

Chị Hoàng Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, xác nhận chị H đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu số 04668 ngày 24/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện QV.

Chị Hoàng Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, xác nhận chị H đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số 04766 ngày 12/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện QV.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chưa thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- TAND huyện QV;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Anh Văn